

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 188/QĐ-ĐHCNĐA ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đông Á)

**1. Thông tin chung về học phần**

MỤC TIÊU HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA					
1.	Tên và Mã học phần	IT4237 Thực tập tốt nghiệp			
2.	Số tín chỉ	3 TC			
3.	Phân bổ thời lượng	Lý thuyết <15 tiết>	Bài tập	Thực hành <60 tiết>	Tự học <90 tiết>
4.	Điều kiện tiên quyết/	Không			
	Điều kiện học trước/	Không			
	Điều kiện song hành/	Không			
5.	Mô tả học phần	<p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ <b>M1:</b> Gắn học với hành, lý luận với thực tiễn, giúp sinh viên làm quen và tăng cường kỹ năng thực tế, năng lực chuyên môn phù hợp với ngành CNTT.</li> <li>○ <b>M2:</b> Giúp sinh viên hệ thống hóa và củng cố những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, kiến thức chuyên môn về ngành CNTT đã được trang bị.</li> <li>○ <b>M3:</b> Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế.</li> <li>○ <b>M4:</b> Giúp sinh viên tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế. Hình thành các thói quen chuyên nghiệp trong công việc.</li> </ul> <p><b>Nội dung:</b> Sau khi hoàn thành học phần, người học cần đạt được các yêu cầu: Lấy được dữ liệu quản lý, các vấn</p>			



		đề cần tin học hóa, các qui trình được phát triển, các hệ thống cần được xây dựng của nơi thực tập; sử dụng kiến thức đã học hoàn thiện một bản phân tích thiết hệ thống đầy đủ.			
6.	Chuẩn đầu ra học phần	<b>C1:</b> Đưa ra được mục đích, mục tiêu khi thực hiện bài toán quản lý và mô hình hoá bài toán. <b>C2:</b> Viết, trình bày báo cáo và có hướng giải quyết được các vấn đề chưa tường minh. <b>C3:</b> Rèn luyện kỹ năng, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. <b>C4:</b> Làm quen, thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp.			
7.	Hình thức đánh giá học phần	Chuyên cần: 10% ○ Theo quy định chung Cuối kỳ: 90% ○ Báo cáo bài tập lớn/vấn đáp			
8.	Giáo trình	1. Nguyễn Văn Ba, <i>Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009. 2. Phan Thị Nhung, <i>Hướng dẫn lập trình Web với HTML và JavaScript</i> , NXB Trung tâm tin học Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, 2008 3. Nguyễn Tuệ, <i>Nhập môn cơ sở dữ liệu</i> , NXB Giáo dục 2008.			
9.	Tài liệu tham khảo	1. Đặng Văn Đức, <i>Phân tích và thiết kế hướng đối tượng bằng UML</i> , Nhà xuất bản Giáo dục, 2002. 2. Cameron Wakefield -Henk-Evert Sonder- Wei Meng Lee - Wei Meng Lee, Syngress Publishing, <i>.NET</i> , Inc – 2001. 3. Đậu Quang Tuấn, <i>Thiết kế trang web bằng JavaScript</i> , NXB Giao Thông Vận tải, 2006. 4. <a href="http://www.w3Schools.com">www.w3Schools.com</a>			
10.	Ma trận mục tiêu – chuẩn đầu ra môn học				
	Mục tiêu học phần	Chuẩn đầu ra học phần			
		C1	C2	C3	C4



	M1	x												
	M2			x										
	M3						x							
	M4												x	
11	Đóng góp của môn học đối với chuẩn đầu ra của CTĐT													
	Học phần	Chuẩn đầu ra												
		a	b	c	d	e	f	g						
	IT4237 Thực tập tốt nghiệp	•	•	◐	◐	◐	◊	◐						

## 2. Kế hoạch giảng dạy học phần

Nội dung	Phân phối giờ			Hoạt động dạy và học
	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	
<b>Chương 1: TỔNG QUAN</b>				
1.1. YÊU CẦU VIẾT BÁO CÁO THU HOẠCH THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	15	0	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên giảng bài</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>
1.2. GIỚI THIỆU MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC				
1.3. HƯỚNG DẪN SINH VIÊN CÁC KỸ NĂNG, KIẾN THỨC				
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	

### 3. Các bài thực hành

**Ngày phê duyệt**

**Trưởng khoa** *th*  
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Trần Xuân Thanh

**Người viết đề cương**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Trung Thực

## PHỤ LỤC: CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- a) Khả năng áp dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, nguyên tắc kỹ thuật cơ bản và chuyên môn kỹ thuật để giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp.
- b) Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở của ngành Công nghệ thông tin để xác định, tìm kiếm, nghiên cứu tài liệu và phân tích các vấn đề kỹ thuật phức tạp để đưa ra kết luận rõ ràng áp dụng các nguyên tắc toán học cơ bản, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.
- c) Có khả năng áp dụng kiến thức của ngành học kết hợp với khả năng khai thác, sử dụng các phương pháp, công cụ hiện đại để thiết kế các giải pháp cho các vấn đề kỹ thuật phức tạp và thiết kế các thành phần hệ thống hay quy trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể với sự cân nhắc phù hợp về sức khỏe và an toàn cho cộng đồng, văn hóa, xã hội và môi trường.
- d) Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để hình thành năng lực tự chủ: Nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề phức tạp bằng cách sử dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu bao gồm mô phỏng thực nghiệm, phân tích và phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin để đưa ra kết luận có giá trị.
- e) Thiết kế và đưa ra giải pháp, áp dụng các kỹ thuật, tài nguyên phù hợp, các kỹ thuật hiện đại và các công cụ công nghệ thông tin bao gồm công cụ/phần mềm dự đoán, mô hình hóa mô phỏng cho các quá trình kỹ thuật phức tạp, có xem xét và có hiểu biết về các hạn chế.
- f) Có cơ sở lý luận dựa trên nền tảng kiến thức, xem xét dựa trên ngữ cảnh để đánh giá các vấn đề xã hội, sức khỏe, an toàn, pháp lý, văn hóa và các trách nhiệm liên quan đến nghề nghiệp kỹ thuật chuyên môn.
- g) Phân tích và nhận thức rõ ràng về các tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh xã hội và môi trường, và hướng tới phát triển bền vững.

### Chú thích mức độ đóng góp:

●	Nhất quán hoàn toàn (đóng góp tới 75% vào chuẩn đầu ra)/ Fully consistent (contributes to more than 75% of the SLO)
◐	Nhất quán một phần (đóng góp tới 50% vào chuẩn đầu ra)/ Partially consistent (contributes to about 50% of the SLO)
○	Nhất quán ít (đóng góp tới 25% vào chuẩn đầu ra)/ Weakly consistent (contributes to about 25% of the SLO)
Trống	Không liên quan tới chuẩn đầu ra/Not related to the SLO



